

Số: 51 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 21/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 02/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: chi nhánh công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300588569-007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/05/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: tầng 11 tháp B tòa nhà Handiresco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại giao dịch: 024.3724.6019.

- Tài khoản số 111000094172 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 79A, Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: 199 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Doanh nghiệp chưa thông báo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 02 người, đang thử việc.

- Số người đã ký hợp đồng lao động: 197 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 176 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 21 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người lao động chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, nội dung hợp đồng lao động ghi chưa chi tiết: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "...các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động".

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 14 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 11 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền là 133.185.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định.

- Doanh nghiệp sử dụng TULĐTT do Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam xây dựng và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương thấp nhất doanh nghiệp áp dụng là 12.000.000 đồng/đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 13.800.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 155.836.500.000 đồng/người/tháng; bình quân: 37.000.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp áp dụng thang lương, bảng lương và định mức lao động do Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam xây dựng.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương: không phát sinh.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp thực hiện thời giờ làm việc theo tuần, không quá 10 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ ngày chủ nhật).

- Doanh nghiệp không huy động người lao động làm thêm giờ.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện lao động bình thường là 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp sử dụng nội quy lao động do Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam xây dựng; chưa gửi nội quy lao động sau khi có hiệu lực đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi đặt trụ sở doanh nghiệp.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Doanh nghiệp đang sử dụng 48 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Đã thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động còn thiếu nội dung về chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên, chưa đủ số loại dụng cụ (thiếu ga ro cao su, kính bảo vệ mắt).

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám sức khỏe cho lao động nữ theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại thời điểm thanh tra: 197 người; số người đã tham gia: 197 người; số người chưa tham gia: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động và khoản hỗ trợ từ kết quả công việc được nhận.

- Số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 02/2024: 1.504.393.000 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội; số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

1.3. Không thu phí tuyển dụng lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.6. Đã thực hiện TULĐTT.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.9. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày.

1.10. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

1.11. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.12. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.13. Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

1.14. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.15. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.16. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm công việc bình thường, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lao động nữ theo quy định.

1.17. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của 10 hợp đồng lao động được kiểm tra chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "...các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động" là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Chưa gửi nội quy lao động sau khi có hiệu lực đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi đặt trụ sở doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật Lao động.

2.4. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động chưa có nội dung về chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.5. Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu ga ro cao su, kính bảo vệ mắt) theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đứng đầu doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau: khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.5; các sai phạm khác thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/5/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

